

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**

Số: **39** /TB-VTQ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**

Trụ sở chính: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông Trường Việt Trung, Huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0232. 3796 003

Fax: 0232. 3796 060

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Hải Thanh**

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình công bố thông tin Báo cáo tài chính kiểm toán 06 tháng đầu năm 2024.

Thông tin này đã được công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty theo đường dẫn sau: www.viettrungqb.com.vn/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Hải Thanh

Số: 108 /CBTT-VTQ

Quảng Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình

- Mã chứng khoán: VTQ

- Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

- Điện thoại liên hệ: 0232.3796003

- Website: <http://www.viettrungqb.com.vn/index.php/vi/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC kiểm toán 06 tháng đầu năm 2024

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/8/2024 tại đường dẫn: <http://www.viettrungqb.com.vn/index.php/vi//>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin đã công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC kiểm toán 06 đầu năm 2024.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Phan Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2024**



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 29

11
C
KI
11
/ 49

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này gồm:

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
Ông Phan Văn Thành	Chủ tịch
Ông Dương Chí Bình	Thành viên
Ông Phạm Xuân Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Thanh	Thành viên
Ông Phan Hữu Bằng	Thành viên
Ông Lê Vũ Thành	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Ông Trần Duy Hà	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Chí Bình	Giám đốc
Ông Phạm Xuân Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Thanh	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phan Văn Thành - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 13 tháng 08 năm 2024

Số: 081301/2024/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty") được lập Ngày 13 tháng 08 năm 2024 từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 được soạn lập trên cơ sở số liệu đầu kỳ là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Trong đó, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 do trong năm 2023, công ty chưa thực hiện kết chuyển hết chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm 2023 để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà thực hiện vốn hóa vào giá trị "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" với số tiền là 1.882.298.224 đồng. Công ty chưa thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào đối với vấn đề nêu trên. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét ảnh hưởng của vấn đề này tới các số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm đã phản ánh không trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề nhân mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II, tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của công ty là 49.614.105.405 đồng. Ngoài ra, kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2024 tiếp tục bị lỗ dẫn đến số lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là âm 61.826.046.821. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc Công ty sắp xếp được dòng tiền và kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai cũng như việc được tái cơ cấu các khoản nợ vay ngân hàng.

Kết luận kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.



Nguyễn Hoàng Giang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0997-2021-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, Ngày 13 tháng 08 năm 2024

iCPA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.827.657.775	21.369.717.715
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.639.813.749	3.736.799.649
1. Tiền	111		5.639.813.749	3.736.799.649
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.675.754.319	4.276.009.997
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	11.876.503.273	13.465.577.568
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		71.786.014	243.073.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	5.551.310.178	2.368.663.475
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(11.823.845.146)	(11.801.304.046)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	12.238.216.725	13.271.030.741
1. Hàng tồn kho	141		12.268.145.038	13.301.260.852
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(29.928.313)	(30.230.111)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		273.872.982	85.877.328
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		203.257.095	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7a	70.615.887	85.877.328
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		167.343.380.349	173.399.338.991
I. Tài sản cố định	220		120.687.564.284	118.057.769.007
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	120.687.564.284	118.057.769.007
- Nguyên giá	222		245.854.864.861	239.966.861.932
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(125.167.300.577)	(121.909.092.925)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		24.859.108.561	26.269.669.332
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	24.859.108.561	26.269.669.332
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		21.118.087.615	28.095.490.316
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	81.840.000.000	81.840.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(61.721.912.385)	(54.744.509.684)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	1.000.000.000	1.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		678.619.889	976.410.336
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		678.619.889	976.410.336
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		191.171.038.124	194.769.056.706

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		74.047.704.180	69.339.077.080
I. Nợ ngắn hạn	310		73.441.763.180	68.489.586.653
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	8.675.934.909	4.805.898.096
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		472.337.100	479.237.100
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7b	690.434.566	344.946.691
4. Phải trả người lao động	314		5.765.371.980	6.950.482.665
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		179.839.171	194.339.385
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.564.482.525	160.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	3.223.486.781	2.696.902.265
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	48.287.903.610	47.757.153.363
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.581.972.538	5.100.627.088
II. Nợ dài hạn	330		605.941.000	849.490.427
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	292.000.000	292.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	313.941.000	557.490.427
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		117.123.333.944	125.429.979.626
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	116.443.333.944	124.749.979.626
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.817.910.000	170.817.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.817.910.000	170.817.910.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.451.470.765	7.451.470.765
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(61.826.046.821)	(53.519.401.139)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(53.519.401.139)	(12.091.052.856)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.306.645.682)	(41.428.348.283)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		680.000.000	680.000.000
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		680.000.000	680.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		191.171.038.124	194.769.056.706



Phan Hữu Bằng
 Người lập biểu



Phan Hữu Bằng
 Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Ngày 13 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	34.941.466.107	22.867.174.099
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		34.941.466.107	22.867.174.099
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	29.641.573.135	21.261.746.177
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.299.892.972	1.605.427.922
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	29.250.306	33.801.167
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.923.281.424	19.566.427.999
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.945.878.723	2.396.015.668
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	146.936.000	45.660.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.224.552.483	7.436.998.760
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.965.626.629)	(25.409.857.670)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	678.588.774	407.876.278
12. Chi phí khác	32		19.607.827	83.944.709
13. Lợi nhuận khác	40		658.980.947	323.931.569
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.306.645.682)	(25.085.926.101)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.306.645.682)	(25.085.926.101)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(486)	(1.469)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(486)	(1.469)

Phan Hữu Bằng
Người lập biểu

Phan Hữu Bằng
Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 13 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(8.306.645.682)	(25.085.926.101)
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.258.207.652	3.070.385.372
Các khoản dự phòng	03	6.999.642.003	18.179.295.549
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(318.717.236)	(229.285.167)
Chi phí lãi vay	06	1.945.878.723	2.396.015.668
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.578.365.460	(1.669.514.679)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(1.280.108.253)	387.291.297
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	1.032.814.016	2.463.465.658
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	4.460.681.514	2.558.405.711
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	94.533.352	209.537.964
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.985.133.957)	(2.413.829.678)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.901.152.132	1.535.356.273
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.477.442.158)	(4.970.096.764)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	29.250.306	33.801.167
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.285.338.852)	(4.936.295.597)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	30.624.320.425	40.197.889.462
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(30.337.119.605)	(42.009.701.190)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	287.200.820	(1.811.811.728)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.903.014.100	(5.212.751.052)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.736.799.649	7.331.040.285
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.639.813.749	2.118.289.233

Phan Hữu Bằng
Người lập biểu

Phan Hữu Bằng
Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 13 tháng 08 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung được cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 19/11/2021 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Trồng cây cao su: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ mủ cao su;
- Chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình có trụ sở chính tại Tiểu khu Hữu Nghị, Thị trấn Nông trường Việt Trung, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chăn nuôi trâu, bò. Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 27,28%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có một đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Phú Quý, địa chỉ tại TK 7, Phường Bắc Lý, Thành phố Đồng Hới, Quảng Bình.

6. Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 471 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 480 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ KỶ KẾ TOÁN

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của công ty là 49.614.105.405 đồng. Ngoài ra, kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2024 tiếp tục bị lỗ dẫn đến số lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là âm 61.826.046.821. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Cụ thể:

- + Triển khai thực hiện hoạt động hợp tác kinh doanh sản xuất, chế biến và buôn bán sản phẩm dăm gỗ cây tràm
- + Sắp xếp nhân sự các phòng ban bộ phận quản lý tăng năng suất lao động và tiết kiệm chi phí.
- + Nâng cao sản lượng khai thác mù cao su.
- + Đầu tư cây cao su trồng mới
- + Mở rộng thị trường, đa dạng hóa các sản phẩm sản xuất từ gỗ tại nhà máy gỗ Phú Quý.
- + Tiếp tục duy trì và mở rộng hoạt động hợp tác kinh doanh với các cá nhân, tổ chức có nhu cầu trồng xen canh các loại cây ngắn ngày tại các địa điểm cây cao su già hết sản lượng khai thác đã thanh lý chưa trồng mới.

Ban Giám đốc đã lập kế hoạch dòng tiền và kế hoạch lợi nhuận trong 06 tháng tiếp theo dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động kinh doanh. Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, lợi nhuận và dòng tiền kế hoạch của Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Thêm vào đó, Công ty không có các khoản vay ngắn hạn bị quá hạn thanh toán. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024.

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

12/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc sau khi loại trừ đi các tổn thất theo các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính tổng hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính tổng hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ hoạt động và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	06 - 40
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí mua bảo hiểm, chi phí sửa chữa,...các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Tài sản đồng kiểm soát:

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính tổng hợp các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- (a) Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- (b) Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- (c) Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- (d) Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- (e) Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.600.639.512	1.444.847.250
Tiền gửi ngân hàng	4.039.174.237	2.291.952.399
Cộng	5.639.813.749	3.736.799.649

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000

Khoản đầu tư trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình: Số lượng 10.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 8 năm, lãi suất thả nổi và bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,9%/năm, ngày phát hành 30/07/2020 ngày đáo hạn 30/07/2028.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần TAMICO	9.550.985.568	9.550.985.568
Công ty TNHH IFC	468.059.763	667.728.779
Công ty Cổ phần HD Furniture Group	307.377.542	778.766.518
Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	1.550.080.400	2.468.096.703
Cộng	11.876.503.273	13.465.577.568
Trong đó phải thu khách hàng là bên liên quan	9.550.985.568	9.550.985.568

(Chi tiết tại Thuyết minh VIII.2 - Bên liên quan)

4. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tạm ứng	268.400.551	155.989.637
Phải thu khác	5.282.909.627	2.212.673.838
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các cá nhân trồng sắn</i>	<i>3.644.560.531</i>	<i>1.307.900.744</i>
<i>Phải thu từ các cá nhân thanh lý</i>	<i>729.291.161</i>	<i>735.620.797</i>
<i>Công ty TNHH Hiếu Đại Phát (Dự án xay dăm)</i>	<i>847.282.443</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>61.775.492</i>	<i>169.152.297</i>
Cộng	5.551.310.178	2.368.663.475

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH
 Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung,
 huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09a-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. NỢ XẤU

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	10.021.341.568	119.672.000	9.901.669.568	9.922.291.568	50.337.000	9.871.954.568
Công ty Cổ phần TAMICO	9.550.985.568	-	9.550.985.568	9.550.985.568	-	9.550.985.568
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Cao Nguyên	115.015.000	-	115.015.000	115.015.000	-	115.015.000
Ủy ban xã Vạn Trạch	60.500.000	-	60.500.000	60.500.000	-	60.500.000
Đối tượng khác	294.841.000	119.672.000	175.169.000	195.791.000	50.337.000	145.454.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.931.099.412	8.923.835	1.922.175.578	1.938.273.312	8.923.835	1.929.349.478
Bà Nguyễn Thị Phương	65.969.581	-	65.969.581	65.969.581	-	65.969.581
Bà Phan Thị Vân	60.877.129	-	60.877.129	60.877.129	-	60.877.129
Đối tượng khác	1.804.252.702	8.923.835	1.795.328.867	1.811.426.602	8.923.835	1.802.502.767
Cộng	11.952.440.980	128.595.835	11.823.845.146	11.860.564.880	59.260.835	11.801.304.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.039.993.192	-	1.887.116.813	-
Công cụ, dụng cụ	152.286.886	-	355.888.613	-
Chi phí SXKD dở dang	9.715.202.876	-	9.688.737.721	-
Thành phẩm	1.344.962.994	15.238.313	1.353.818.615	15.540.111
Hàng hóa	15.699.090	14.690.000	15.699.090	14.690.000
Cộng	12.268.145.038	29.928.313	13.301.260.852	30.230.111

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp /bù trừ trong kỳ	01/01/2024
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	70.615.887	10.323.118	25.584.559	85.877.328
Cộng	70.615.887	10.323.118	25.584.559	85.877.328
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	686.220.601	2.196.449.625	1.855.175.715	344.946.691
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.424.289.867	1.424.289.867	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	4.213.965	144.424.105	140.210.140	-
Cộng	690.434.566	3.765.163.597	3.419.675.722	344.946.691

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cao su trồng năm 2015	192.310.386	2.893.938.806
Cao su trồng năm 2016	3.482.098.162	5.694.642.019
Cao su trồng năm 2018	6.136.951.477	6.120.812.018
Cao su trồng năm 2022	8.723.445.514	7.613.826.812
Cao su trồng năm 2023	2.253.213.609	431.793.415
Khác	4.071.089.413	3.514.656.262
Cộng	24.859.108.561	26.269.669.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm súc vật làm việc cho sản phẩm	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu kỳ	105.922.994.035	20.488.051.733	5.167.481.782	1.807.652.327	103.871.647.666	2.709.034.389	239.966.861.932
Mua trong năm	-	605.801.111	-	-	-	-	605.801.111
Đầu tư XD/CB hoàn thành	342.333.327	-	-	-	4.939.868.491	-	5.282.201.818
Số dư cuối kỳ	106.265.327.362	21.093.852.844	5.167.481.782	1.807.652.327	108.811.516.157	2.709.034.389	245.854.864.861
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu kỳ	76.439.942.213	17.121.659.520	5.061.951.439	1.711.539.599	20.822.964.250	751.035.904	121.909.092.925
Khấu hao trong kỳ	975.836.293	332.094.458	20.566.379	10.348.074	1.835.987.510	83.374.938	3.258.207.652
Số dư cuối kỳ	77.415.778.506	17.453.753.978	5.082.517.818	1.721.887.673	22.658.951.760	834.410.842	125.167.300.577
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư đầu kỳ	29.483.051.822	3.366.392.213	105.530.343	96.112.728	83.048.683.416	1.957.998.485	118.057.769.007
Số dư cuối kỳ	28.849.548.856	3.640.098.866	84.963.964	85.764.654	86.152.564.397	1.874.623.547	120.687.564.284

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 56.813.512.621 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 52.694.911.181 đồng).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 57.069.679.651 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 58.821.651.079 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT**

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình theo hợp đồng góp vốn ngày 12/01/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và Công ty TNHH MTV Việt Trung. Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản trên diện tích đất 614,44 ha tại các tiểu khu Hữu Nghị, Truyền Thống, Dũng Cầm, Sao Vàng có giá trị 81.840.000.000 đồng (Tám mươi một tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng chẵn). Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình được thành lập và hoạt động tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016, ngành nghề kinh doanh chính là chăn nuôi. Tại ngày 01/01/2024 và 30/06/2024 tỷ lệ sở hữu của Công ty là 27,28%, tỷ lệ kiểm soát là 27,28%.

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình lũy kế đến thời điểm 30/06/2024 với số tiền là 61.721.912.385 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2024 là 54.744.509.684 đồng).

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Sông Gianh - Xí nghiệp phân bón Sông Gianh	3.508.944.400	1.121.744.400
Doanh nghiệp Tư nhân Dịch vụ Đức Thành Lợi	969.029.380	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu nông sản T9	723.875.000	723.875.000
Phải trả nhà cung cấp khác	3.474.086.129	2.960.278.696
Cộng	8.675.934.909	4.805.898.096

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán.

12. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	847.424.735	729.733.755
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.366.062.046	1.957.168.510
<u>Trong đó</u>		
- Phải nộp thanh tra tỉnh Quảng Bình	634.853.000	634.853.000
- Lãi chậm trả tiền hàng	846.318.300	846.318.300
- Chi phí dự án xay dăm (*)	828.000.095	-
- Phải trả khác	56.890.651	475.997.210
Cộng	3.223.486.781	2.696.902.265
b. Dài hạn		
Ký quỹ ký cược	292.000.000	292.000.000
Cộng	292.000.000	292.000.000

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/VT-HDP ngày 20/05/2024 với Công ty TNHH Hiếu Đại Phát QB cùng hợp tác đầu tư mở rộng sản xuất ngành gỗ dăm. Hình thức góp vốn và phân chia kết quả kinh doanh với tỷ lệ góp vốn 50:50. Tổng giá trị tài sản góp vốn của Công ty là 2,625 tỷ đồng bao gồm: Mặt bằng nhà xưởng, nhà làm việc văn phòng, hệ thống cân điện tử, máy xúc lật, máy bóc vỏ keo trám. Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình chịu trách nhiệm hạch toán các khoản chi phí đầu vào, thuế GTGT đầu vào (nếu có) theo quy định. Căn cứ vào bảng tổng hợp chi phí hàng tháng, các bên góp vốn liên doanh sẽ phân bổ đều chi phí đầu vào theo tỷ lệ vốn góp. Đối với hạch toán các khoản doanh thu: Các bên tự xuất hóa đơn và hạch toán sản phẩm được chia của mình.

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (i)	24.979.598.262	24.979.598.262	16.228.560.242	15.102.777.444	23.853.815.464	23.853.815.464
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (ii)	16.466.454.721	16.466.454.721	13.065.760.183	12.926.040.961	16.326.735.499	16.326.735.499
Vay cá nhân (iii)	6.065.000.000	6.065.000.000	1.330.000.000	1.775.000.000	6.510.000.000	6.510.000.000
Cộng vay ngắn hạn	47.511.052.983	47.511.052.983	30.624.320.425	29.803.818.405	46.690.550.963	46.690.550.963
Nợ dài hạn đến hạn trả	776.850.627	776.850.627			1.066.602.400	1.066.602.400
Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	48.287.903.610	48.287.903.610			47.757.153.363	47.757.153.363
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là bên liên quan	800.000.000	800.000.000			800.000.000	800.000.000

(Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2 - Bên liên quan)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Bình theo hợp đồng vay hạn mức số 808005785795/2023-HDCVHM/NHCT470-VIETTRUNG ngày 06/07/2023, tổng mức dư nợ tại mọi thời điểm không quá 25.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ 06/07/2023 đến 06/07/2024, thời hạn vay tối đa không quá 6 tháng, lãi suất thả nổi, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là vườn cây cao su, trụ sở công ty, quyền sử dụng tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- (ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/525381/HĐTD ngày 26/12/2023 với số tiền cam kết cho vay không vượt quá 16.500.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức trong 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất thả nổi. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị và trụ sở nhà xưởng tính chế gỗ phụ quý....
- (iii) Các khoản vay ngắn hạn cá nhân theo các hợp đồng cho vay có thời hạn từ 6 tháng lãi suất từ 8,34%/năm đến 9%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, các khoản vay không có tài sản bảo đảm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (i)	924.380.127	924.380.127	-	420.000.000	1.344.380.127	1.344.380.127
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Bình (ii)	166.411.500	166.411.500	-	113.301.200	279.712.700	279.712.700
Cộng Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.090.791.627	1.090.791.627	-	533.301.200	1.624.092.827	1.624.092.827
Nợ dài hạn đến hạn trả	(776.850.627)	(776.850.627)			(1.066.602.400)	(1.066.602.400)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	(663.549.427)	(663.549.427)			(840.000.000)	(840.000.000)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Bình	(113.301.200)	(113.301.200)			(226.602.400)	(226.602.400)
Cộng	313.941.000	313.941.000			557.490.427	557.490.427

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình bao gồm các Hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 805004607384/2021-HĐCVDADT/NHCT470-VIETTRUNG ngày 30/06/2021, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 1.285.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Cải tạo nhà trụ sở và khuôn viên công ty". Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là trụ sở công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hợp đồng tín dụng số 800004607389/2021-HĐCVDADT/NHCT470-VIETTRUNG ngày 30/06/2021, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 2.955.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay để đầu tư sửa chữa nâng cấp dây chuyền chế biến mù và trang bị máy nông nghiệp phục vụ cơ giới hóa ngành cao su. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là trụ sở công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các đội Sao Vàng, Đoàn Kết, Chiến Thắng.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 09/2021/525381/HĐTD ngày 08/10/2021, số tiền cam kết cho vay tối đa 963.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 56 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,55%/năm. Mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị sản xuất gỗ, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo thỏa thuận được ký kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	243.549.427	1.066.602.400
Từ hai đến năm thứ ba	313.941.000	557.490.427
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	-
Cộng	557.490.427	1.624.092.827
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	243.549.427	1.066.602.400
Số phải trả sau 12 tháng	313.941.000	557.490.427

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2023	170.817.910.000	7.451.470.765	(12.091.052.856)	166.178.327.909
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	(41.428.348.283)	(41.428.348.283)
Số dư tại ngày 01/01/2024	170.817.910.000	7.451.470.765	(53.519.401.139)	124.749.979.626
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	(8.306.645.682)	(8.306.645.682)
Số dư tại ngày 30/06/2024	170.817.910.000	7.451.470.765	(61.826.046.821)	116.443.333.944

(*) Theo nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024, theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đang là (41.428.348.283) đồng. Căn cứ quy định tại điều 135, luật doanh nghiệp năm 2020, Doanh nghiệp không đủ điều kiện để trả cổ tức và trích lập các quỹ.

b) Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng kí phát hành	17.081.791	17.081.791
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.081.791	17.081.791
- Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.081.791	17.081.791
- Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	31.699.771.595	20.655.270.833
Doanh thu khác	3.241.694.512	2.211.903.266
Cộng	34.941.466.107	22.867.174.099

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	29.641.874.933	21.308.701.040
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(301.798)	(46.954.863)
Cộng	29.641.573.135	21.261.746.177

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.327.018	1.692.263
Lãi đầu tư trái phiếu	27.923.288	32.108.904
Cộng	29.250.306	33.801.167

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	1.945.878.723	2.396.015.668
Dự phòng tổn thất đầu tư	6.977.402.701	17.170.412.331,00
Cộng	8.923.281.424	19.566.427.999

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí bằng tiền khác	146.936.000	45.660.000
Cộng	146.936.000	45.660.000

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	2.763.705.823	3.517.017.218
Chi phí khấu hao	220.812.467	306.622.196
Chi phí đồ dùng văn phòng	206.283.940	292.513.206
Thuế phí và lệ phí	686.775.004	1.297.430.561
Trích dự phòng phải thu khó đòi	22.541.100	1.032.645.094
Chi phí bằng tiền khác	1.324.434.149	990.770.485
Cộng	5.224.552.483	7.436.998.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bồi thường, giải phóng mặt bằng	289.466.930	-
Hỗ trợ bồi thường di dời tài sản trên đất	213.000.200	-
Doanh thu bán cây ngắn ngày	162.853.000	195.484.000
Thu nhập khác	13.268.644	212.392.278
Cộng	678.588.774	407.876.278

8. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.306.645.682)	(25.085.926.101)
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(8.306.645.682)	(25.085.926.101)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	17.081.791	17.081.791
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(486)	(1.469)

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.045.984.997	1.525.273.040
Chi phí nhân công	19.320.153.068	17.604.100.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.143.749.971	3.046.220.822
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.692.364.850	1.939.460.488
Chi phí khác bằng tiền	2.810.808.732	2.165.884.041
Cộng	35.013.061.618	26.280.939.279

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh cao su và Bộ phận kinh doanh gỗ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh cao su: Trồng, thu hoạch và sản xuất mủ cao su
- Bộ phận kinh doanh gỗ: Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Tại ngày 30/06/2024:

	Hoạt động kinh doanh Cao su Số cuối kỳ VND	Hoạt động kinh doanh Gỗ Số cuối kỳ VND	Loại trừ Số cuối kỳ VND	Tổng cộng Số cuối kỳ VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	11.851.480.232	12.364.954.093	-	24.216.434.325
Tài sản không phân bổ	-	-	166.954.603.799	166.954.603.799
Tổng tài sản	11.851.480.232	12.364.954.093	166.954.603.799	191.171.038.124
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	7.363.346.924	1.784.925.085	-	9.148.272.009
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	64.899.432.171	64.899.432.171
Tổng nợ phải trả	7.363.346.924	1.784.925.085	64.899.432.171	74.047.704.180

Tại ngày 01/01/2024:

	Hoạt động kinh doanh Cao su Số đầu kỳ VND	Hoạt động kinh doanh Gỗ Số đầu kỳ VND	Loại trừ Số đầu kỳ VND	Tổng cộng Số đầu kỳ VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	12.281.400.674	14.698.280.635	-	26.979.681.309
Tài sản không phân bổ	-	-	167.789.375.397	167.789.375.397
Tổng tài sản	12.281.400.674	14.698.280.635	167.789.375.397	194.769.056.706
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	3.546.518.467	1.738.616.729	-	5.285.135.196
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	64.053.941.884	64.053.941.884
Tổng nợ phải trả	3.546.518.467	1.738.616.729	64.053.941.884	69.339.077.080

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024:

	Hoạt động kinh doanh Cao su VND	Hoạt động kinh doanh Gỗ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	27.198.169.512	7.743.296.595	-	34.941.466.107
Tổng Doanh thu	27.198.169.512	7.743.296.595	-	34.941.466.107
Khấu hao và chi phí phân bổ	25.604.404.468	9.408.657.150	-	35.013.061.618
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.593.765.044	(1.665.360.555)	-	(71.595.511)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.593.765.044	(1.665.360.555)	-	(71.595.511)
Doanh thu từ các khoản đầu tư				29.250.306
Lãi (lỗ) khác				658.980.947
Chi phí tài chính				(8.923.281.424)
Lợi nhuận trước thuế				(8.306.645.682)
Chi phí thuế TNDN				-
Lợi nhuận trong kỳ				(8.306.645.682)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023:

	Hoạt động kinh doanh Cao su VND	Hoạt động kinh doanh Gỗ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	19.130.920.766	3.736.253.333	-	22.867.174.099
Tổng Doanh thu	19.130.920.766	3.736.253.333	-	22.867.174.099
Khấu hao và chi phí phân bổ	23.439.891.276	5.304.513.661	-	28.744.404.937
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(4.308.970.510)	(1.568.260.328)	-	(5.877.230.838)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.308.970.510)	(1.568.260.328)	-	(5.877.230.838)
Doanh thu từ các khoản đầu tư				33.801.167
Lãi (lỗ) khác				323.931.569
Chi phí tài chính			(19.566.427.999)	
Lợi nhuận trước thuế			(25.085.926.101)	
Chi phí thuế TNDN			-	
Lợi nhuận trong kỳ			(25.085.926.101)	

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

2. Bên liên quan

Bên liên quan

Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình
 Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần TAMICO

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Lãnh đạo chủ chốt
 Cổ đông lớn của Công ty (Ông Lê Vũ Thành) là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần TAMICO

Các giao dịch với các bên liên quan:

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần TAMICO	9.550.985.568	9.550.985.568
Vay và nợ thuê tài chính		
Ông Dương Chí Bình	800.000.000	800.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Phan Văn Thành - Chủ tịch HĐQT	171.000.000	171.000.000
Ông Dương Chí Bình - Giám đốc, Thành viên HĐQT	151.800.000	151.800.000
Ông Phạm Xuân Thành - Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	137.220.000	137.220.000
Ông Nguyễn Hải Thanh - Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	137.220.000	137.220.000
Ông Phan Hữu Bằng - Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT	137.220.000	137.220.000
Ông Lê Vũ Thành - Thành viên HĐQT	6.000.000	6.000.000
Bà Nguyễn Thị Hải - Thành viên HĐQT	6.000.000	6.000.000
Bà Hoàng Thị Thu Hương - Trưởng ban kiểm soát	137.220.000	137.220.000
Cộng	883.680.000	883.680.000

3. CÁC CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Trong kỳ, Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Hiếu Đại Phát theo hợp đồng số 01//HĐHTKD/VT-HĐP ngày 20/05/2024 cùng nhau hợp tác đầu tư mở rộng sản xuất ngành gỗ (gỗ dăm) tại Phân xưởng nguyên liệu - Chi nhánh gỗ Phú Quý thuộc Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 05 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 19/05/2029.

Ngoài ra, Công ty ký 312 hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm trong đó:

1 (Một) hợp đồng thuê 40.133 m² có thời hạn thuê từ ngày 21/03/2003 đến ngày 11/02/2033.
311 hợp đồng thuê 22.065.435,8 m² có thời hạn thuê từ ngày 29/12/2017 đến ngày 15/10/2043. tổng diện tích đất thuê là 22.105.568,8 m²

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2024 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét.



Phan Hữu Bằng
Người lập biểu



Phan Hữu Bằng
Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 13 tháng 08 năm 2024